

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2021/DS-PT
Ngày 21-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Trung Dũng.
<i>Các Thẩm phán:</i>	Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền; Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 198/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị K, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày:*

Bà K và bà H có quen biết nhau, bà H có nhu cầu mượn tiền để làm công việc, cụ thể như sau:

+ Vào ngày 08/01/2016, bà H vay của bà K 35.000.000 đồng và hẹn tháng 01 năm 2018 trả.

+ Ngày 10/02/2016, bà H vay của bà K 94.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10 tháng 12 năm 2016 trả.

+ Một lần khoảng tháng 10 năm 2016 (không có ghi ngày tháng năm, bà Huế chỉ hứa đến tháng 01/2017 sẽ trả tiền), bà H vay của bà K số tiền 220.000.000 đồng.

Các giấy nợ do bà K viết nội dung còn bà H ký tên, ghi họ tên. Khi vay tiền, hai bên không thỏa thuận tiền lãi; bà Khoa cho bà H bao nhiêu thì cho, mục đích là giúp bà H có vốn để làm kinh tế.

Đến hạn trả các khoản nợ trên, bà H tuyên bố bế nợ nên không trả nợ. Bà K chấp nhận cho bà H trả góp. Sau đó, bà H đã góp được 16.000.000 đồng thì không góp tiếp. Nay bà K khởi kiện bà H yêu cầu bà H trả số tiền còn lại 333.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K vì bà H chỉ còn nợ bà K số tiền hui là 13.000.000 đồng. Cụ thể: Bà H chỉ nợ bà K 04 phần hui; loại hui 500.000 đồng/tháng; hui do bà H làm chủ; bà H bị bế hui nên chưa giao tiền hui cho bà K. 04 phần hui có giá 70.000.000 đồng nhưng ngược lại bà K nợ hui của bà H nên bà H tự trừ nợ hết 57.000.000 đồng còn nợ lại 13.000.000 đồng. Bà H chấp nhận trả cho bà K số tiền 13.000.000 đồng; bà H không cung cấp bất cứ chứng cứ gì về nợ hui giữa hai bên như bà H trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K đối với bà Lê Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Thị H trả cho bà Lê Thị K số tiền 333.000.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về việc chậm thi hành án, chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/6/2021, bị đơn bà Lê Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguyên đơn bà K khởi kiện yêu cầu bà H trả lại số tiền vay 333.000.000 đồng, chứng cứ bà K cung cấp là: (1) Giấy mượn tiền ngày 08/01/2016 có nội dung bà H mượn của bà Khoa 35.000.000 đồng và hẹn đến ngày 01/2018, (2) giấy mượn tiền không đề ngày có nội dung bà H mượn của bà K 220.000.000 đồng và hứa đến tháng 01/2017 trả, (3) giấy mượn tiền không đề ngày, có nội dung ngày 10/02/2016 K cho H mượn 94.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10/12/2016 Huế sẽ trả cho K, các giấy vay tiền đều không thỏa thuận lãi suất, có chữ viết tên, chữ ký của Lê Thị H nhưng bà H không thừa nhận chữ viết tên, chữ ký là của mình. Theo Kết luận giám định số 107/GĐ-PC09 ngày 07/4/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an

tỉnh Bình Dương thì “Chữ viết họ tên “LÊ THỊ H” trên các giấy mượn tiền đều là do bà H viết ra; bị đơn không có ý kiến và không yêu cầu giám định lại. Việc bà H cho rằng bà chỉ nợ bà Khoa số tiền 13.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, cũng không được bà K thừa nhận nên lời trình bày của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Đối với Giấy mượn tiền 220.000.000 đồng nguyên đơn thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm là do nguyên đơn ghi thêm số 2 trước số 20, việc ghi thêm không được bị đơn thừa nhận nên chỉ có căn cứ chấp nhận số tiền 20/220 triệu đồng. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn có cơ sở chấp nhận một phần nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa bản án sơ thẩm theo hướng trừ đi số tiền 200.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị K khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H trả số tiền 333.000.000 đồng mà bà H đã nợ bà K. Bị đơn bà H chỉ thừa nhận nợ bà K số tiền 13.000.000 đồng.

Chứng cứ do nguyên đơn khởi kiện là các giấy mượn tiền:

+ Giấy mượn tiền không đề ngày, tháng, năm có nội dung: Ngày 10/02/2016, K cho H mượn 94.000.000 đồng hẹn đến ngày 10/12/2016 Lê Thị H sẽ trả lại số tiền cho K, nếu sai H phải trả gấp 02 lần.

+ Giấy mượn tiền đề ngày 08/01/2016 có nội dung: Lê Thị H có mượn của Lê Thị K số tiền 35.000.000 đồng và hẹn đến tháng 01 năm 2018 sẽ trả đủ số tiền trên.

+ Giấy mượn tiền không đề ngày có nội dung: Lê Thị H mượn K số tiền 220.000.000 đồng và hứa lương hưu tháng 01 năm 2017 trả, không thỏa thuận lãi suất.

Trên các giấy mượn tiền có chữ viết tên, chữ ký của bà Lê Thị H nhưng bà Lê Thị H không thừa nhận chữ viết tên, chữ ký là của mình.

Tổng số tiền bà K cho bà H mượn là 349.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H đã trả được số tiền 16.000.000 đồng nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 333.000.000 đồng, không tính lãi.

Bị đơn bà H trình bày: Tại bản tự khai ngày 19/12/2020 (bút lục 52) và Biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2020 (bút lục 53), bà H xác định không vay mượn số tiền 330.000.000 đồng của bà K như bà K cung cấp. Tuy nhiên, bà chỉ còn nợ bà K số tiền 13.000.000 đồng là tiền hụi nên bà chỉ chấp nhận trả số tiền trên.

Bà H cung cấp các giấy tờ chơi hụi nhưng các giấy tờ này chỉ chứng minh được nội dung bà Lê Thị K có chơi hụi của bà H, việc chơi hụi bà K cũng thừa nhận nhưng các tài liệu này không chứng minh được nội dung bà H nợ bà K số tiền 13.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 107/GĐ-PC09 ngày 07/4/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương đã kết luận: Chữ viết họ tên “Lê Thị H” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) so với chữ viết họ tên Lê Thị H trên các tài liệu mẫu (Ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người viết ra. Mặt khác, tại phiên tòa, bà H không phản đối với Kết luận giám định số 107/GĐ-PC09 ngày 07/4/2021

của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương; bị đơn không yêu cầu giám định lại, đề nghị giải quyết lại theo quy định pháp luật. Như vậy, có căn cứ xác định bà Huế có tham gia xác lập các giấy tờ nêu trên.

Xét, giấy mượn tiền (bút lục 38) không ghi ngày tháng năm thể hiện bà H có mượn bà K số tiền 220.000.000 đồng và hứa lương hưu tháng 1 năm 2017 trả nếu sai hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, hai bên ký tên, ghi họ tên. Tuy nhiên, xét giấy mượn tiền trên có dấu hiệu ghi chèn thêm số 2 trước số tiền 20.000.000 đồng thành 220.000.000 đồng là hoàn toàn không đúng sự thật, nguyên đơn thừa nhận số tiền theo giấy đã ghi nhưng bị đơn không thừa nhận và không ký tên xác nhận. Từ đó, có cơ sở chấp nhận số tiền bị đơn mượn của nguyên đơn là 20.000.000 đồng.

[2] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[3] Về chi phí giám định: Bị đơn Lê Thị H phải chịu chi phí giám định với số tiền 2.950.000 đồng theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn bà Lê Thị K đã nộp tạm ứng số tiền trên nên bị đơn bà Lê Thị H phải trả lại cho nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn đã được Tòa án chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Huế.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K đối với bị đơn bà Lê Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn bà Lê Thị Huế trả cho nguyên đơn bà Lê Thị K số tiền 133.000.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K đối với bị đơn bà Lê Thị H về việc yêu cầu bà H trả số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị H phải chịu số tiền 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí giám định. Do bà Lê Thị K đã nộp tạm ứng nên bà Lê Thị H phải nộp số tiền 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) để hoàn trả cho bà K.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê Thị K phải chịu số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.325.000 đồng (tám triệu ba trăm hai mươi lăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045385 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương. Nguyên đơn còn phải nộp số tiền 1.675.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Bị đơn bà Lê Thị H phải chịu số tiền 6.650.000 đồng (sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lê Thị H không phải nộp. Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0057931 ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện D;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng